

UBND HUYỆN TRỰC NINH  
TRƯỜNG TH TRỰC CƯỜNG

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ 6 tuổi, trẻ KT có thể học hoà nhập.	Hoàn thành chương trình lớp 1	Hoàn thành chương trình lớp 2	Hoàn thành chương trình lớp 3	Hoàn thành chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình GDPT 2018 thực hiện theo TT số 32/2018/TT-BGDĐT; Dạy học 2 buổi/ngày	Chương trình GDPT năm 2018 (Thực hiện theo TT số 32/2018/TT-BGDĐT; Dạy học 2 buổi/ngày	Chương trình GDPT năm 2018 (Thực hiện theo TT số 32/2018/TT-BGDĐT; Dạy học 2 buổi/ngày	Chương trình GDPT năm 2018 (Thực hiện theo TT số 32/2018/TT-BGDĐT; Dạy học 2 buổi/ngày	Chương trình GDTH năm 2000 (Thực hiện theo QĐ 16/2006/QĐ-BGDĐT; Dạy học 2 buổi/ngày
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	Phối hợp thông qua BCH Hội cha mẹ học sinh; qua sổ liên lạc ĐT; gọi điện thoại; gặp trực tiếp.	Phối hợp thông qua BCH Hội cha mẹ học sinh; qua sổ liên lạc ĐT; gọi điện thoại; gặp trực tiếp.	Phối hợp thông qua BCH Hội cha mẹ học sinh; qua sổ liên lạc ĐT; gọi điện thoại; gặp trực tiếp.	Phối hợp thông qua BCH Hội cha mẹ học sinh; qua sổ liên lạc ĐT; gọi điện thoại; gặp trực tiếp.	Phối hợp thông qua BCH Hội cha mẹ học sinh; qua sổ liên lạc ĐT; gọi điện thoại; gặp trực tiếp.
	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tích cực, chủ động, sáng tạo	Tích cực, chủ động, sáng tạo	Tích cực, chủ động, sáng tạo	Tích cực, chủ động, sáng tạo	Tích cực, chủ động, sáng tạo
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hoạt động GDNG lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, sinh hoạt sao Nhi đồng	Hoạt động GDNG lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, sinh hoạt sao Nhi đồng	Hoạt động GDNG lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, hoạt động Đội	Hoạt động GDNG lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, hoạt động Đội	Hoạt động GDNG lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, hoạt động Đội
V	Kết quả năng lực,	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt Tốt, Đạt: 100%;	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt Tốt, Đạt: 100%;	Kết quả năng lực, phẩm chất đạt

	phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Tốt,Đạt: 100%; Chất lượng học tập đạt 100%, sức khoẻ tốt.	Chất lượng học tập đạt và vượt năm học trước, sức khoẻ tốt	Tốt,Đạt:100%; Chất lượng học tập đạt và vượt năm học trước, sức khoẻ tốt	Chất lượng học tập đạt và vượt năm học trước, sức khoẻ tốt	đạt Tốt, Đạt:100%; Chất lượng học tập đạt và vượt năm học trước, sức khoẻ tốt
VI	Khả năng học tập tiếp tục của HS	Lên lớp 100%	Lên lớp 100%	Lên lớp 100%	Lên lớp 100%	HTCCTH 100%

*Trúc Cường, ngày 05 tháng 8 năm 2023*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đình Tất Đắc**

UBND HUYỆN TRỰC NINH  
TRƯỜNG TH TRỰC CƯỜNG

### THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học: 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
<b>I</b>	<b>Tổng số học sinh</b>	<b>949</b>	<b>194</b>	<b>189</b>	<b>180</b>	<b>184</b>	<b>202</b>
<b>II</b>	<b>Số học sinh học 2 buổi/ngày</b>	<b>949</b>	<b>194</b>	<b>189</b>	<b>180</b>	<b>184</b>	<b>202</b>
<b>III</b>	<b>Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất</b>						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	879/949	178	184	157	180	180
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	59/949	16	4	13	4	22
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	1/949	0	1	0	0	0
<b>IV</b>	<b>Số học sinh chia theo kết quả học tập</b>						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	658/949	167	161	80	136	114
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	288/949	24	28	100	48	88
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	3/949	3	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	946/949	191/194	184/184	180/180	184/184	202/202
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng)	690/949	172/194	144/184	124/202	136/184	114/202
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	27/949	0/194	4/184	7/180	1/184	15/202
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	3/949	3/194	0/184	0/180	0/184	0/202

*Trực Cường, ngày 30 tháng 5 năm 2023*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Văn Thuận**

UBND HUYỆN TRỰC NINH  
TRƯỜNG TH TRỰC CƯỜNG

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học/số lớp</b>	24/24	1
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	24	1
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường lẻ</b>	1	1
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	9630	10,25
<b>V</b>	<b>Diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	4.500	4,79
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	1200	
2	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	100	
3	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m<sup>2</sup>)</i>		
4	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m<sup>2</sup>)</i>	50	
5	<i>Diện tích phòng ngoại ngữ (m<sup>2</sup>)</i>	50	
6	<i>Diện tích phòng học tin học (m<sup>2</sup>)</i>	50	
7	<i>Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m<sup>2</sup>)</i>	50	
8	<i>Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m<sup>2</sup>)</i>	25	
9	<i>Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m<sup>2</sup>)</i>	50	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	453	
1.1	Khối lớp 1	207	41/lớp

1.2	Khối lớp 2	184	36,8/lớp
1.3	Khối lớp 3	25	5/lớp
1.4	Khối lớp 4	12	3/lớp
1.5	Khối lớp 5	25	5/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	20	02 học sinh/ bộ
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	25	1/1
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...	3	
6	.....		

	Nội dung	Số lượng(m <sup>2</sup> )		
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	15		
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	100		
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	0		
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		2		1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(\*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

	<i>Trực Cường, ngày 01 tháng 8 năm 2023</i>
	<b>HIỆU TRƯỞNG</b>
	<b>Đinh Tất Đắc</b>

**Biểu mẫu 08**

UBND HUYỆN TRỰC NINH  
TRƯỜNG TH TRỰC CƯỜNG

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường  
tiểu học, năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	37	0	0	29	5	3	0	3	12	14	8	26	0	0
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	24	0	0	19	5	0	0	0	11	13	6	24	0	0
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Ngoại ngữ	3	0	0	3	0	0	0	0	2	1	0	1	0	0
3	Tin học	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0
4	Âm nhạc	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0
5	Mỹ thuật	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0
6	Thể dục	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	3	0	0	0	1	2	0	3	0	0	0	0	0	0

1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên thư viện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

*Trúc Cường, ngày 01 tháng 8 năm 2023*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đinh Tất Đắc**